| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC GIANG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 623 /QĐ-UBND | *Bắc Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang thuê đất (đợt 1) để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 18/TTg-NN ngày 07/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án, công trình được phép thu hồi đất; các dự án, công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 190/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 về việc điều chỉnh Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang; số 518/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện đầu tư, xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng;

Xét đề nghị của: Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang tại đơn xin thuê đất và hồ sơ kèm theo; UBND huyện Yên Dũng tại Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 02/8/2019; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 673/TTr-TNMT ngày 19/8/2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.**

1. Chuyển mục đích sử dụng 97.297,2 $m^2$ *(Chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi bảy phẩy hai mét vuông)* đất (gồm 44.028 $m^2$ đất tại xã Nham Sơn và 53.269,2 $m^2$ đất tại xã Yên Lư) UBND huyện Yên Dũng đã thu hồi, giải phóng mặt bằng và cho Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang thuê toàn bộ diện tích đất đã chuyển mục đích sử dụng nêu trên (97.297,2 $m^2$) để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Loại đất: Đất cụm công nghiệp; trong đó cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt *(Có bảng tổng hợp diện tích kèm theo).*

- Thời hạn cho thuê đất: Đến ngày 12/02/2068.

- Phương thức trả tiền: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho UBND xã Yên Lư 2.380,2 $m^2$ đất, UBND xã Nham Sơn 3.078,7 $m^2$ đất UBND huyện Yên Dũng đã thu hồi, giải phóng mặt bằng nhưng nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án *(không chuyển mục đích sử dụng đất)* để quản lý theo quy hoạch và pháp luật về đất đai.

3. Phê duyệt thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa như sau:

3.1. Diện tích đất phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: 86.336,4 $m^2$;

3.2. Số tiền phải nộp: 86.336,4 $m^2$ x 50% x 50.000 đ/$m^2$ = 2.158.410.000 (*Hai tỷ một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng)*

3.3. Thời hạn nộp tiền vào ngân sách: 20 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định này; chứng từ nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là điều kiện bắt buộc trước khi ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang.

4. Địa điểm: Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư thuộc xã Nham Sơn và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang *(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên tờ bản đồ đính kèm theo hồ sơ thuê đất).*

**Điều 2.**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng: Hướng dẫn và thu phí, lệ phí; trả Quyết định cho thuê đất, bàn giao đất trên thực địa, ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang theo quy định hiện hành.

2. Cục Thuế tỉnh Bắc Giang hướng dẫn Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang kê khai, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

3. UBND huyện Yên Dũng chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND xã Nham Sơn và UBND xã Yên Lư chỉnh lý biến động đất đai, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang.

4. Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang có trách nhiệm: nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; ký hợp đồng thuê đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; sử dụng đất đúng mục đích được thuê. Trong quá trình sử dụng đất, nếu có thay đổi quy hoạch chi tiết xây dựng làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định này, phải lập thủ tục điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

5. UBND xã Nham Sơn và UBND xã Yên Lư chịu trách nhiệm quản lý diện tích đất được giao tại điểm 2 Điều 1 Quyết định này theo đúng quy hoạch, pháp luật đất đai.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng; Chủ tịch UBND xã Nham Sơn; Chủ tịch UBND xã Yên Lư; Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN.Thắng.

***Bản điện tử:***
VP UBND tỉnh: PVPĐT, CN, ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Thái**

**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH**
**Cho Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang thuê đất (đợt 1)**
**để ĐTXD và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư**
*(Kèm theo Quyết định số 623./QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh)*

| TT | Tên lô quy hoạch chi tiết xây dựng | Tổng DT lô (m2) | DT cho thuê đợt 1 (m2) | DT chưa cho thuê của lô đất theo quy hoạch chi tiết (m2) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Đất công nghiệp** | **122.858,0** | **61.372,4** | **61.485,6** | |
| 1 | CN-07 | 22.846,0 | 17.136,5 | 5.709,5 | |
| 2 | CN-08 | 18.620,0 | 2.443,7 | 16.176,3 | |
| 3 | CN-09 | 16.935,0 | 7.706,2 | 9.228,8 | |
| 4 | CN-10 | 19.237,0 | 10.479,7 | 8.757,3 | |
| 5 | CN-11 | 15.991,0 | 8.384,0 | 7.607,0 | |
| 6 | CN-12 | 15.874,0 | 12.751,3 | 3.122,7 | |
| 7 | CN-13 | 13.355,0 | 2.471,0 | 10.884,0 | |
| **II** | **Đất hạ tầng kỹ thuật (HTKT01)** | **7.558,0** | **567,1** | **6.990,9** | |
| **III** | **Đất cây xanh mặt nước** | **35.204,0** | **19.298,8** | **15.905,2** | |
| 1 | CXMN | 6.871,0 | 1.889,8 | 4.981,2 | |
| 2 | CX-04 | 21.704,0 | 11.542,0 | 10.162,0 | |
| 3 | MN-03 | 1.679,0 | 1.350,5 | 328,5 | |
| 4 | MN-05 | 2.462,0 | 2.209,1 | 252,9 | |
| 5 | MN-06 | 2.488,0 | 2.307,4 | 180,6 | |
| **IV** | **Đất GT, TL** | **32.105,0** | **16.058,9** | **16.046,1** | |
| **Tổng cộng = I+II+III+IV** | | | **97.297,2** | **100.427,8** | |